

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HS-ST
Ngày: 08-02-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trần Đông
Ông Dương Thanh Hùng

Thư ký phiên tòa: Ông Quảng Thanh Trung, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lâm Minh Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2022/TLST-HS, ngày 13 tháng 12 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST- HS, ngày 30 tháng 12 năm 2022; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 02/TB-TA, ngày 12 tháng 01 năm 2023 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 03/TB-TA, ngày 27 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng Tổng G, sinh ngày 17/11/1997; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1969 và bà Huỳnh Kim Đ, sinh năm 1968; có vợ tên Nguyễn Trương Bích N và 01 con; tiền án: 01 lần (ngày 03/11/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xử phạt 09 tháng tù về tội làm nhục người khác, đã chấp hành xong hình phạt); tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 20/9/2022 cho đến nay; bị cáo có mặt.

- Bị hại:

+ Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1979, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Khóm 5, thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

+ Bà Lý Thị Mỹ, sinh năm 1951, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

+ Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1981, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

+ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1964, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

+ Chị Trần Thị Yến N, sinh năm 2000, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Khóm 2, thị phường 1, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

+ Chị Trần Thị Như M, sinh năm 1980, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện , tỉnh Tiền Giang.

+ Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1992, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

- *Người làm chứng:*

+ Chị Nguyễn Trương Bích N, sinh năm 2001, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Số 106 Phương Hòa 1, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

+ Anh Lê Hữu P, sinh năm 2002, có mặt.

Nơi cư trú: Ấp M, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Hoàng Tống G là phạm nhân được chuyển đến chấp hành án tại Nhà tạm giữ Công an huyện Duyên Hải. Tại đây G được giao nhiệm vụ nấu bếp, đưa cơm, nước đến các buồng giam để phục vụ người bị giam giữ trong Nhà tạm giữ Công an huyện Duyên Hải.

Trong thời gian chấp hành án từ tháng 11/2021, G có quen biết Lê Hữu P là chiến sĩ nghĩa vụ thuộc đội Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an huyện Duyên Hải. Khoảng cuối tháng 6/2022, G hỏi P nếu người thân của G gửi đồ vào cho G thì nhờ P nhận dùm được không, P đồng ý. Vài ngày sau G nhặt được giấy (*loại giấy A4*) rồi viết lên giấy nội dung “Cán bộ P kết bạn Zalo với số này 0971514950 của vợ tôi” và “Em mua cho anh cái điện thoại gửi cho cán bộ P”, viết xong G đưa tờ giấy trên cho Lê Hữu P (*số điện thoại là của vợ G tên Nguyễn Trương Bích N, sinh năm 2001, ngụ số 106, Phương Hòa 1, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng*). Phức dùng tài khoản “Lê Hữu P” (*đăng*

ký bằng số điện thoại 0395686296) để kết bạn Zalo với số điện thoại 0971514950, tài khoản Zalo tên “N”, khi kết bạn xong P chụp ảnh tờ giấy của G gửi qua Zalo của “N”, sau đó P hủy bỏ tờ giấy trên.

Ngày 24/6/2022, G xin phép cán bộ Nhà tạm giữ gọi điện thoại về gia đình, được cán bộ cho phép G dùng điện thoại bàn của Nhà tạm giữ gọi cho vợ là Nguyễn Trương Bích N, hỏi Ngọc gửi điện thoại cho G chưa thì N trả lời chưa gửi vì không biết địa chỉ. G kêu N mua một điện thoại di động và sim số gửi cho G qua địa chỉ người nhận là Lê Hữu P, ấp M, xã N, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Đến ngày 02/7/2022, N đến cửa hàng bán điện thoại mua một điện thoại di động hiệu Forme màu hồng (có kèm theo cục sạc màu đen) và một sim điện thoại số 0767954446. Ngày 04/7/2022, N ra bưu điện gửi điện thoại cho G theo địa chỉ người nhận là P. Khi Lê Hữu P nhận được điện thoại do N gửi, P mang đến buồng giam của G đưa điện thoại, cục sạc cho G cất giấu.

Trong thời gian G chấp hành án thì N một mình nuôi con nhỏ, thu nhập từ việc bán hàng trên mạng không nhiều nên G muốn có tiền phụ giúp vợ lo cho con. G biết những người đang bị giam giữ có nhu cầu hút thuốc lá nhưng theo quy định người đang bị giam giữ không được hút thuốc. Từ đó G nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên tiếp cận những người bị giam giữ nói nếu có nhu cầu hút thuốc thì đưa số điện thoại người thân để G liên lạc yêu cầu chuyển tiền vào tài khoản của N, để lấy tiền cho vợ của G tiêu xài. Lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo của cán bộ chiến sĩ, G đã thường xuyên đi lại một mình trong nhà tạm giữ và nói chuyện với người bị giam giữ, biết G có hút thuốc lá nên họ kêu G cho thuốc hút rồi kêu người nhà chuyển tiền cho G. Từ đó G xin được số điện thoại của 07 người thân những người đang bị giam giữ. Sau đó G gọi điện, nhắn tin cho người thân của người bị giam giữ (bị hại), G giới thiệu mình là người nấu bếp, làm việc ở nhà tạm giữ và yêu cầu chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng Vietcombank số 1014385423, chủ tài khoản Nguyễn Trương Bích N, cho G để mua thuốc lá cho người bị giam giữ hút lén. Các bị hại tin tưởng G là cán bộ nhà tạm giữ Công an huyện Duyên Hải nên đã đồng ý chuyển tiền theo yêu cầu của G. Khi có tiền chuyển vào tài khoản, G không nói rõ cho N biết nguồn gốc số tiền, mà chỉ kêu N cứ lấy tiêu xài lo cho con nhỏ, đừng hỏi nhiều.

Với thủ đoạn như trên, từ ngày 15/7/2022 đến ngày 03/8/2022, G đã nhiều lần chiếm đoạt được tiền của 07 bị hại tổng số tiền 11.500.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Bị hại Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1979, trú khóm 5, thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh (là mẹ của phạm nhân Bùi Minh T). G gọi điện kêu bà L chuyển vào tài khoản của G 1.000.000 đồng để lo cho Bùi Minh T hút thuốc. Ngày 15/7/2022, bà L đã chuyển vào tài khoản ngân hàng Vietcombank số 1014385423 cho G 1.000.000 đồng.

2. Bị hại Lý Thị M, sinh năm 1951, trú khóm 1, thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh (mẹ của Trần Minh T). Giang gọi cho bà M xưng là người làm việc tại nơi giam giữ T,

kêu bà M chuyển số tiền 1.500.000 đồng để mua thuốc hút và đồ ăn cho T. Bà M tưởng G gọi điện thoại là cán bộ Nhà tạm giữ Công an huyện Duyên Hải nên đã chuyển 1.500.000 đồng vào số tài khoản 1014385423 ngân hàng Vietcombank cho G.

3. Bị hại Nguyễn Thị P, sinh năm 1981, trú ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (*vợ của phạm nhân Lâm Văn B*). Ngày 24/7/2022, G gọi điện thoại cho bà P xưng tên Lê Hữu, kêu chuyển 2.000.000 đồng để mua thêm đồ ăn và mua hút thuốc cho Lâm Văn B trong nhà tạm giữ. Do tin tưởng người gọi điện là cán bộ nhà tạm giữ nên đã chuyển 2.000.000 đồng vào số tài khoản 1014385423 ngân hàng Vietcombank như yêu cầu của G.

4. Bị hại Nguyễn Thị C, sinh năm 1964, trú ấp G, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (*mẹ của bị can Trần Minh Q*). G gọi điện cho bị hại C kêu chuyển cho Q 1.000.000 đồng. Do tin tưởng người gọi điện là cán bộ nhà tạm giữ nên bị hại đã chuyển 1.000.000 đồng vào số tài khoản 1014385423 ngân hàng Vietcombank như yêu cầu của G.

5. Bị hại Trần Thị Yến N, sinh năm 2000, trú khóm 2, phường 1, thị xã, tỉnh Trà Vinh (*bạn gái của bị can Lâm Tấn Đ*), chuyển tiền cho G 02 lần, G điều nói Đ cần hút thuốc nhưng không có tiền nên bị hại tin tưởng chuyển:

- Lần 1 vào ngày 24/7/2022, chuyển 1.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Vietcombank số 1014385423 như yêu cầu G.

- Lần 2 vào ngày 03/8/2022, chuyển 2.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Vietcombank số 1014385423 như yêu cầu G.

6. Bị hại Trần Thị Như M, sinh năm 1980, trú ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang (*vợ của bị can Nguyễn Ngọc C*). Cũng tin rằng người gọi điện là cán bộ nhà tạm giữ nên ngày 28/7/2022 đã chuyển 1.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng Vietcombank số 1014385423 cho G.

7. Bị hại Nguyễn Thị M, sinh năm 1992, trú ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh (*vợ của phạm nhân Lê Văn K*), cũng tin lời G nói là nên ngày 31/7/2022, đã chuyển vào tài khoản ngân hàng Vietcombank số 1014385423 số tiền 2.000.000 đồng cho G.

Qua điều tra chứng minh Nguyễn Hoàng Tống G đã khai nhận sử dụng điện thoại di động hiệu Forme và sim số 0767954446 để liên lạc gọi điện, nhắn tin vào số điện thoại di động của các bị hại Nguyễn Thị Trúc L, Lý Thị M, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị C, Trần Thị Yến N, Trần Thị Như M, Nguyễn Thị M, là người thân của các bị can, phạm nhân đang bị giam giữ ở nhà tạm giữ Công an huyện Duyên Hải. Giang giới thiệu mình là người nấu bếp và đưa ra thông tin gian dối như có quyền chuyển buong, kỷ luật, cho thăm gặp, từ đó làm cho các bị hại tin rằng G là cán bộ công an ở nhà tạm giữ nên đã chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng cho G. Khi nhận được tiền thì chiếm đoạt để lo cho vợ con.

Ngày 19/9/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Trà Vinh ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Hoàng Tổng trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày 20/9/2022 đến ngày 18/11/2022 về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Ngày 14/11/2022 và ngày 17/11/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Trà Vinh, ra quyết định xử lý đồ vật tài liệu trả lại tài sản: 01 (một) điện thoại di động hiệu Huawei màu xanh, phía sau điện thoại có chữ Huawei Technologies Co, Ltd, Shenzhen 518129PRC Made in china Model; LRE-L22, điện thoại đã qua sử dụng.

01 (một) sim điện thoại mạng Viettel, số 0395686296, cho Lê Hữu P.

Số tiền Việt Nam 11.500.000 đồng, trả cho Nguyễn Thị Trúc L 1.000.000 đồng; Lý Thị M 1.500.000 đồng; Nguyễn Thị P 2.000.000 đồng; Nguyễn Thị C 1.000.000 đồng; Trần Thị Yến N 3.000.000 đồng; Trần Thị Như M 1.000.000 đồng; Nguyễn Thị M 2.000.000 đồng.

Phân trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản xong không yêu cầu gì khác.

Đối với Nguyễn Trương Bích N là người trực tiếp mua điện thoại gửi vào và để cho G sử dụng số tài khoản của mình để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác nhưng N không biết, qua điều tra chứng minh N không có vai trò đồng phạm với G nên không xem xét xử lý.

Riêng Lê Hữu P là người trực tiếp nhận bưu phẩm là điện thoại di động và sim số chuyển vào cho G nhận để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, P không hứa hẹn hay hưởng lợi ích vật chất gì của G nên chưa đủ căn cứ để xem xét vai trò đồng phạm về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bản thân Lê Hữu P là chiến sĩ nghĩa vụ, thuộc đội Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, biết rõ quy định phạm nhân không được sử dụng điện thoại di động nhưng vẫn nhận điện thoại di động từ bưu phẩm để chuyển cho bị can G cất giấu để sử dụng thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền 11.500.000 đồng, nhưng đã được thu hồi chưa gây hậu quả nghiêm trọng nên hành vi của P chưa cấu thành tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng.

Tại bản cáo trạng số: 15/CT-VKSDH, ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng Tổng G về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Hoàng Tống G khai nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 15/7/2022 đến ngày 03/8/2022, tại nhà tạm giữ Công an huyện Duyên Hải, bị cáo trực tiếp sử dụng điện thoại di động liên tiếp nhiều lần liên lạc gọi điện, nhắn tin và dùng lời nói gian dối, giới thiệu mình là người nấu bếp và đưa ra thông tin như có quyền chuyển buồng, kỷ luật, cho thăm gặp với các bị hại là người thân của các bị can, phạm nhân đang bị giam giữ ở nhà tạm giữ Công an huyện Duyên Hải để làm cho các bị hại tin rằng G là cán bộ công an ở nhà tạm giữ nên đã chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng cho G nhận được với tổng số tiền 11.500.000 đồng, để chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân, trong đó bị cáo chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị Trúc L số tiền 1.000.000 đồng; của bị hại Lý Thị M số tiền 1.500.000 đồng; của bị hại Nguyễn Thị P số tiền 2.000.000 đồng; của bị hại Nguyễn Thị C số tiền 1.000.000 đồng; của bị hại Trần Thị Yên N lần thứ nhất số tiền 1.000.000 đồng, lần thứ hai số tiền 2.000.000 đồng; của bị hại Trần Thị Như M số tiền 1.000.000 đồng; của bị hại Nguyễn Thị M số tiền 2.000.000 đồng.

Các tờ tường trình, các biên bản ghi lời khai, các biên bản hỏi cung bị cáo khai là tự nguyện, đúng sự thật, không ai ép buộc, bị cáo thống nhất nội dung bản cáo trạng, không có ý kiến bổ sung hay khiếu nại gì về nội dung bản cáo trạng, mà hoàn toàn thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Các bị hại Nguyễn Thị Trúc L, Lý Thị M, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị C, Trần Thị Yên N, Trần Thị Như M, Nguyễn Thị M đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung đơn: Về trách nhiệm dân sự các bị hại đã nhận lại đủ tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm; về trách nhiệm hình sự các bị hại đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên ông Lâm Minh Khoa đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như bản cáo trạng đã nêu; sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng Tống G phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Tống G từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Hoàng Tống G nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Hoàng Tống G khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng mô tả, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Trong khoảng thời gian từ ngày 15/7/2022 đến ngày 03/8/2022, tại nhà tạm giữ Công an huyện Duyên Hải, bị cáo trực tiếp sử dụng điện thoại di động nhiều lần liên lạc gọi điện, nhắn tin và đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản của các bị hại là thân nhân của các bị can, phạm nhân đang bị giam giữ ở nhà tạm giữ Công an huyện Duyên Hải tổng số tiền 11.500.000 đồng, trong đó bị cáo chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thị Trúc L số tiền 1.000.000 đồng; của bị hại Lý Thị M số tiền 1.500.000 đồng; của bị hại Nguyễn Thị P số tiền 2.000.000 đồng; của bị hại Nguyễn Thị C số tiền 1.000.000 đồng; của bị hại Trần Thị Yên N lần thứ nhất số tiền 1.000.000 đồng, lần thứ hai số tiền 2.000.000 đồng; của bị hại Trần Thị Như M số tiền 1.000.000 đồng; của bị hại Nguyễn Thị M số tiền 2.000.000 đồng.

Từ đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Hoàng Tống G phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai cho bị cáo.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật. Bị cáo, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[3] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi vì tài sản hợp pháp của công dân là bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi lừa dối để chiếm đoạt tài sản của người khác đều vi phạm pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe tham gia lao động tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân và giúp ích cho gia đình, nhưng bị cáo không làm được việc này, vì muốn có tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân, lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo của cán bộ nhà tạm giữ,

bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối, giới thiệu mình là người nấu bếp và đưa ra thông tin như có quyền chuyển buồng, kỷ luật, cho thăm gặp với các bị hại là người thân của các bị can, phạm nhân đang bị giam giữ ở nhà tạm giữ Công an huyện Duyên Hải để làm cho các bị hại tin rằng bị cáo là cán bộ công an ở nhà tạm giữ nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị hại với tổng số tiền là 11.500.000 đồng nên đã dẫn bị cáo vào con đường phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm hoàn thành, hậu quả đã xảy ra.

[4] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội từ hai lần trở lên; bị cáo đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do lỗi cố ý là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có người thân có công với cách mạng, các bị hại đều có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về quyết định hình phạt:

Qua phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nhưng ít nghiêm trọng; cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tù nhất định, tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt nói riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Về vật chứng và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Đối với 01 điện thoại màu hồng nhãn hiệu Forme số Moden A1, R95000736; số Imel 106110, kèm theo 01 pin, điện thoại đã qua sử dụng bên trong máy điện thoại có dán chữ Mai Vinh ngày 02/7/2022, bên trong máy điện thoại không có sim và 01 cục sạc điện thoại màu đen hiệu Forme gồm đầu sạc gắn liền với dây sạc đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo Giang. Đây là phương tiện bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, hiện còn giá trị sử dụng; Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Tống G nộp 200.000 đồng.

[9] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duyên Hải trình bày về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt, xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm nêu trên là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng Tống G phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Tống G 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/9/2022.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại màu hồng nhãn hiệu Forme số Moden A1, R95000736; số Imel 106110, kèm theo 01 pin, điện thoại đã qua sử dụng bên trong máy điện thoại có dán chữ Mai Vinh ngày 02/7/2022, bên trong máy điện thoại không có sim; 01 (một) cục sạc điện thoại màu đen hiệu Forme gồm đầu sạc gắn liền với dây sạc đã qua sử dụng.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng Tống G nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- STP tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- Công an huyện Duyên Hải;
- Chi cục THADS huyện Duyên Hải;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Yên